BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 22/2012/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2012*

THÔNG TƯ
Quy định việc lập và thực hiện kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 19/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 89/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 25/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định việc lập và thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc lập, phê duyệt, thực hiện và điều chỉnh Kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển (sau đây gọi chung là Kế hoạch quản lý tổng hợp).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc lập, phê duyệt, thực hiện và điều chỉnh Kế hoạch quản lý tổng hợp.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

1. Vùng ven biển là vùng chuyển tiếp giữa lục địa và biển, bao gồm vùng biển ven bờ và vùng đất ven biển.

2. Vùng biển ven bờ là vùng biển có ranh giới ngoài cách bờ 6 hải lý.

3. Vùng đất ven biển là vùng đất được xác định theo ranh giới hành chính bao gồm các quận, huyện, thị xã, thành phố ven biển thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Các bên có liên quan là các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư ven biển trực tiếp hoặc gián tiếp tác động hoặc bị tác động tích cực hay tiêu cực bởi các chính sách, hành động, giải pháp liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển.

Chương II
LẬP, PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH QUẢN LÝ TỔNG HỢP

Điều 4. Nguyên tắc lập Kế hoạch quản lý tổng hợp

1. Tuân thủ pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo và pháp luật khác có liên quan.

2. Bảo đảm sự quản lý thống nhất liên ngành, liên vùng; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan.

3. Bảo đảm tính thực tiễn, tính khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện.

4. Bảo đảm sự tham gia của các bên có liên quan trong quá trình lập Kế hoạch quản lý tổng hợp.

Điều 5. Căn cứ lập Kế hoạch quản lý tổng hợp

1. Các căn cứ quy định tại Điều 11 Nghị định số 25/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

2. Kết quả thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp kỳ trước.

Điều 6. Các bước lập Kế hoạch quản lý tổng hợp

1. Thành lập Ban chỉ đạo lập và thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp.

2. Thu thập thông tin, dữ liệu hiện trạng vùng ven biển; phân tích, đánh giá và lập báo cáo hiện trạng quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển.

3. Xác định mục tiêu của Kế hoạch quản lý tổng hợp.

4. Xác định thứ tự ưu tiên để quản lý tổng hợp.

5. Xây dựng dự thảo Kế hoạch quản lý tổng hợp.

6. Trình phê duyệt Kế hoạch quản lý tổng hợp.

Điều 7. Thành lập Ban chỉ đạo lập và thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có trách nhiệm thành lập Ban chỉ đạo lập và thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp (sau đây gọi chung là Ban chỉ đạo).

2. Ban chỉ đạo gồm:

a) Trưởng ban là đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương;

b) Phó trưởng ban thường trực là Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường;

c) Thành viên là đại diện Lãnh đạo các sở, ban, ngành và các cơ quan khác có liên quan do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương quyết định.

3. Trách nhiệm của Ban chỉ đạo:

a) Chỉ đạo việc lập, trình phê duyệt, thực hiện và điều chỉnh Kế hoạch quản lý tổng hợp;

b) Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương các biện pháp giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình lập và thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp;

c) Chỉ đạo đánh giá việc thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp;

d) Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp;

đ) Chỉ đạo, hướng dẫn việc điều phối lồng ghép các chương trình, kế hoạch, nguồn lực của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, thành phố ven biển trong quá trình thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp;

e) Hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương về tình hình thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp;

h) Ban chỉ đạo hoạt động theo Quy chế do Trưởng ban chỉ đạo ban hành.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo.

Điều 8. Thu thập thông tin, dữ liệu về hiện trạng vùng ven biển

1. Thông tin, dữ liệu về điều kiện tự nhiên và tài nguyên vùng ven biển, bao gồm:

a) Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên (vị trí địa lý, khí hậu, thủy văn, tài nguyên sinh vật, phi sinh vật, đất, nước...);

b) Thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên.

2. Thông tin, dữ liệu về tình hình kinh tế - xã hội vùng ven biển, bao gồm:

a) Điều kiện kinh tế (cơ sở hạ tầng, các ngành kinh tế ...);

b) Đặc điểm văn hóa - xã hội (dân cư, tập quán văn hóa...);

c) Các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

d) Các khu vực dân cư dễ bị tổn thương ở vùng ven biển.

3. Thông tin, dữ liệu về hiện trạng môi trường vùng ven biển, bao gồm:

a) Hiện trạng chất lượng môi trường vùng ven biển;

b) Các hệ sinh thái dễ bị tổn thương ở vùng ven biển;

c) Quản lý chất thải, các nguồn gây ô nhiễm môi trường vùng ven biển;

d) Thiên tai và sự cố môi trường vùng ven biển (nếu có);

đ) Hiện trạng môi trường các đảo trong vùng ven biển.

4. Thông tin, dữ liệu về hiện trạng chính sách, pháp luật, cơ cấu tổ chức, nguồn lực quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển, bao gồm:

a) Chính sách, pháp luật hiện hành liên quan đến quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển;

b) Cơ cấu tổ chức, các nguồn lực thực hiện quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển;

c) Cơ chế phối hợp trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển;

d) Các điều ước quốc tế và các thỏa thuận hợp tác khác với các tổ chức, cá nhân nước ngoài (nếu có);

đ) Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển.

Điều 9. Lập báo cáo hiện trạng quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển

1. Thông tin, dữ liệu về hiện trạng vùng ven biển phải được phân tích, đánh giá theo các nhóm thông tin quy định tại Điều 8 Thông tư này về các nội dung sau:

a) Những thuận lợi và khó khăn;

b) Kết quả đạt được và những vấn đề tồn tại, bất cập trong khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển; xác định nguyên nhân của những vấn đề tồn tại, mâu thuẫn trên cơ sở yêu cầu và mục tiêu của phương thức quản lý tổng hợp;

c) Các vấn đề cần giải quyết theo phương thức quản lý tổng hợp.

2. Đề xuất các giải pháp

a) Về chính sách, pháp luật: đề xuất xây dựng và ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển;

b) Về nguồn lực: đề xuất các cơ chế tài chính, nguồn nhân lực để thực hiện công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển;

c) Về khoa học và công nghệ: đề xuất các giải pháp đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ phục vụ công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển;

d) Về hợp tác quốc tế: đề xuất các giải pháp tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế nhằm thu hút các nguồn lực cho công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển.

3. Lập báo cáo hiện trạng quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển theo Đề cương tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Xác định mục tiêu của Kế hoạch quản lý tổng hợp

1. Mục tiêu của Kế hoạch quản lý tổng hợp bao gồm mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể.

2. Mục tiêu của Kế hoạch quản lý tổng hợp phải giải quyết được các tồn tại, mâu thuẫn trong quản lý khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với năng lực và nguồn lực triển khai thực hiện, bảo đảm phát triển bền vững.

Điều 11. Xác định thứ tự ưu tiên các vấn đề cần giải quyết trong Kế hoạch quản lý tổng hợp

1. Các vấn đề cần giải quyết trong Kế hoạch quản lý tổng hợp phải được xác định thứ tự ưu tiên.

2. Việc xác định thứ tự ưu tiên các vấn đề cần giải quyết trong Kế hoạch quản lý tổng hợp căn cứ vào các nội dung sau:

a) Tính cấp thiết, tầm quan trọng của vấn đề cần giải quyết;

b) Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

c) Khả năng về nguồn lực để giải quyết vấn đề;

d) Tính khả thi trong việc tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 12. Xây dựng dự thảo Kế hoạch quản lý tổng hợp

1. Việc xây dựng dự thảo Kế hoạch quản lý tổng hợp phải dựa trên nội dung báo cáo hiện trạng quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Kỳ Kế hoạch quản lý tổng hợp là 5 năm.

3. Dự thảo Kế hoạch quản lý tổng hợp xây dựng theo Đề cương tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này.

Điều 13. Tổ chức lấy ý kiến trong quá trình xây dựng dự thảo Kế hoạch quản lý tổng hợp

1. Dự thảo Kế hoạch quản lý tổng hợp phải được lấy ý kiến của các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, thành phố ven biển, Bộ Tài nguyên và Môi trường và đại diện các bên có liên quan.

2. Nội dung lấy ý kiến:

a) Mục tiêu quản lý tổng hợp vùng ven biển;

b) Các vấn đề quản lý tổng hợp vùng ven biển;

c) Thứ tự ưu tiên các vấn đề quản lý tổng hợp vùng ven biển;

d) Các giải pháp thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp.

3. Thời điểm và hình thức lấy ý kiến:

a) Dự thảo Kế hoạch quản lý tổng hợp phải được lấy ý kiến trong quá trình xây dựng và trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Căn cứ tình hình thực tế việc lấy ý kiến góp ý cho dự thảo Kế hoạch quản lý tổng hợp có thể thực hiện thông qua các hình thức: tổ chức các cuộc họp, trao đổi lấy ý kiến trực tiếp, phát phiếu lấy ý kiến, lấy ý kiến bằng văn bản, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của địa phương.

4. Dự thảo Kế hoạch quản lý tổng hợp trước khi trình phê duyệt phải lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý cho dự thảo Kế hoạch quản lý tổng hợp.

Điều 14. Phê duyệt Kế hoạch quản lý tổng hợp vùng ven biển

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập hồ sơ Kế hoạch quản lý tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương xem xét, phê duyệt.

2. Hồ sơ trình phê duyệt bao gồm:

a) Tờ trình phê duyệt Kế hoạch quản lý tổng hợp;

b) Dự thảo Kế hoạch quản lý tổng hợp;

c) Ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường về dự thảo Kế hoạch quản lý tổng hợp;

d) Bản giải trình tiếp thu các ý kiến góp ý;

đ) Báo cáo hiện trạng quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển;

e) Tài liệu khác có liên quan.

3. Kế hoạch quản lý tổng hợp sau khi phê duyệt phải gửi cho Bộ Tài nguyên và môi trường để tổng hợp, quản lý.

Điều 15. Điều chỉnh Kế hoạch quản lý tổng hợp

1. Kế hoạch quản lý tổng hợp được điều chỉnh khi có sự điều chỉnh về Quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo, Chiến lược và Kế hoạch hành động quản lý tổng hợp đới bờ quốc gia làm thay đổi mục tiêu, nội dung của Kế hoạch quản lý tổng hợp.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch quản lý tổng hợp quyết định điều chỉnh Kế hoạch quản lý tổng hợp đã phê duyệt.

3. Việc điều chỉnh Kế hoạch quản lý tổng hợp được thực hiện theo các bước quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 6 Thông tư này.

Điều 16. Đánh giá việc thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp

1. Khi kết thúc kỳ kế hoạch hoặc trước khi điều chỉnh Kế hoạch quản lý tổng hợp phải được tổ chức đánh giá việc triển khai Kế hoạch quản lý tổng hợp.

2. Nội dung đánh giá gồm:

a) Quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp;

b) Kết quả đạt được; những tồn tại, bất cập và nguyên nhân;

c) Những tác động tích cực của việc thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp đối với kinh tế, xã hội, tài nguyên và môi trường vùng ven biển;

d) Những nội dung cần điều chỉnh hoặc triển khai trong kỳ Kế hoạch quản lý tổng hợp tiếp theo.

Điều 17. Kinh phí lập và thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp

1. Kinh phí từ ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách.

2. Kinh phí khác thông qua các chương trình, dự án hợp tác quốc tế song phương và đa phương; nguồn vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG VIỆC LẬP VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ TỔNG HỢP

Điều 18. Trách nhiệm của Tổng cục Biển và Hảo đảo Việt Nam

1. Giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, kiểm tra việc lập và thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp.

2. Kịp thời đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường giải quyết các vấn đề phát sinh trong việc lập và thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp.

3. Tổng hợp báo cáo tình hình lập và thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp của các địa phương.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình lập và thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp; kịp thời báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền khi có vấn đề phát sinh không thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Chỉ đạo việc kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp.

3. Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực Ban chỉ đạo.

2. Chủ trì tổ chức lập, trình phê duyệt Kế hoạch quản lý tổng hợp và thực hiện các nhiệm vụ đã được phân công trong Kế hoạch quản lý tổng hợp.

3. Tham mưu giúp Ban chỉ đạo trong việc đôn đốc, kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ban chỉ đạo.

Điều 21. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, thành phố ven biển thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình lập và thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp.

2. Chủ trì thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ theo Kế hoạch quản lý tổng hợp.

3. Tham gia phối hợp trong việc kiểm tra, giám sát thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Ban chỉ đạo.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2013.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương, Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có các khó khăn, vướng mắc, bất cập đề nghị các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Minh Quang

Phụ lục 1

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÙNG VEN BIỂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2012/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập và thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển)

MỞ ĐẦU

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Vị trí địa lý

1.2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

a) Vị trí địa lý khí hậu, thủy văn...

b) Tài nguyên sinh vật, phi sinh vật, đất, nước...

1.3. Đặc điểm kinh tế xã hội vùng ven biển

a) Điều kiện kinh tế (cơ sở hạ tầng, các ngành kinh tế...);

b) Đặc điểm văn hóa - xã hội (dân cư, tập quán văn hóa...).

1.4. Hiện trạng môi trường vùng ven biển

a) Hiện trạng chất lượng môi trường vùng ven biển;

b) Các vùng, hệ sinh thái nhạy cảm, dễ bị tổn thương ở vùng ven biển;

c) Các nguồn gây ô nhiễm, suy thoái môi trường vùng ven biển;

d) Thiên tai và sự cố môi trường vùng ven biển (nếu có).

1.5. Hiện trạng tài nguyên vùng ven biển

II. HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÙNG VEN BIỂN

2.1. Chính sách, pháp luật hiện hành liên quan đến quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển.

2.2. Cơ cấu tổ chức, các nguồn lực thực hiện quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển.

2.3. Cơ chế phối hợp trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển.

2.4. Các điều ước quốc tế và các thỏa thuận hợp tác khác với các tổ chức, cá nhân nước ngoài (nếu có).

2.5. Ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển.

III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÙNG VEN BIỂN

3.1. Thuận lợi.

3.2. Khó khăn.

3.3. Kết quả đạt được trong khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển.

3.4. Những vấn đề tồn tại, mâu thuẫn trong khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển.

3.5. Nguyên nhân của những vấn đề.

3.6. Các vấn đề cần giải quyết theo phương thức quản lý tổng hợp.

IV. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP

4.1. Về chính sách, pháp luật.

4.2. Về nguồn lực.

4.3. Về khoa học kỹ thuật.

4.4. Về hợp tác quốc tế.

KẾT LUẬN

Tài liệu tham khảo

Phụ lục 2

ĐỀ CƯƠNG KẾ HOẠCH QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÙNG VEN BIỂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2012/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập và thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển)

I. SỰ CẦN THIẾT

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Quan điểm chỉ đạo

2. Mục tiêu của Kế hoạch

a) Mục tiêu tổng thể;

b) Mục tiêu cụ thể.

3. Phạm vi của Kế hoạch

4. Thời hạn Kế hoạch

5. Nội dung của Kế hoạch

a) Mô tả các vấn đề cần giải quyết sắp xếp theo thứ tự ưu tiên;

b) Các nhiệm vụ, đề án, đề tài, chương trình đề xuất thực hiện; lộ trình thực hiện (thời gian bắt đầu và kết thúc);

c) Phương pháp triển khai thực hiện Kế hoạch;

d) Các điều kiện bảo đảm việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

4.1. Giải pháp về chính sách, pháp luật.

4.2. Giải pháp về khoa học công nghệ.

4.3. Giải pháp về hợp tác quốc tế.

4.4. Giải pháp về nguồn lực.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

5.1. Phân công trách nhiệm của các sở, ban, ngành và quận, huyện, thị xã, thành phố.

5.2. Dự toán kinh phí để thực hiện Kế hoạch quản lý tổng hợp vùng ven biển.